TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/DS-ST
Ngày 12 - 5 - 2026
V/v "T/c hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngọc; Ông Trần Văn Chiu.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa*:* Ông Nguyễn Quốc Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 39/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2026/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà H H Niê, sinh năm 1981

Địa chỉ: Buôn Cư P, xã Cư P, tỉnh Đắk Lắk *(vắng mặt – có đơn xin vắng mặt)*

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 1, xã Dang K, tỉnh Đắk Lắk *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà H H, trình bày:

Vào ngày 21/3/2025 dương lịch (nhằm ngày 22/02/2025 âm lịch) tôi có cho bà Nguyễn Thị Như T vay 20.000.000 đồng, hai bên có làm giấy vay tiền, chúng tôi có thỏa thuận miệng về lãi suất là 20%/năm nhưng không ghi vào trong giấy vay tiền,

thời hạn cho vay là 15 ngày. Ngày trả nợ là 04/4/2025 dương lịch (ngày 07/3/2025 âm lịch). Đến ngày 09/4/2025 bà T đã chuyển khoản trả cho tôi số tiền 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng chẵn)*, trong đó trả cả gốc và lãi. Tiền lãi là 222.223 đồng, tiền gốc là 9.777.777 đồng. Bà T còn nợ tôi số tiền gốc là 10.222.223 đồng, bắt đầu tính lãi từ ngày 10/4/2025 đến ngày 23/4/2026 là 12 tháng 14 ngày, lãi 20%/năm: 20%/năm x 10.222.222 đồng x 12 tháng 14 ngày = 2.023.505 đồng. Cả gốc và lãi tính đến ngày 23/4/2026 là 12.245.727 đồng.

Ngoài ra, tôi còn yêu cầu bà T phải trả cho tôi tiền lãi từ ngày 24/4/2026 cho đến khi hết nợ gốc.

- *Bị đơn: Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bà Nguyễn Thị Như T, trình bày*: Theo đơn khởi kiện cũng như lời khai của bà H H là đúng sự thật, tôi có vay bà H H số tiền 20.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận lãi bằng miệng nhưng bà H không nói rõ cụ thể. Ngày 09/4/2025 tôi đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của bà H H số tiền 10.000.000 đồng, hai bên thống nhất sẽ gặp nhau để tính toán cả gốc và lãi sau. Hiện nay tôi còn nợ H H số tiền gốc hơn 10.000.000 đồng. Nay bà H H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc tôi phải trả số tiền còn nợ gốc là hơn 10.000.000 đồng và một số tiền lãi tôi đồng ý.

Sau đó bà H H làm đơn xin giải quyết vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà H H làm đơn xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Nguyễn Thị Như T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hòa giải, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tống đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Quyết định hoãn phiên tòa đã được tống đạt, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung: Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện, cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình; bị đơn không hợp tác, cố tình vắng mặt tại phiên tòa.

Qua chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và tòa án thu thập được công khai và kiểm tra tại phiên tòa thì có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Như T có ký giấy vay bà H H số tiền 20.000.000 đồng, hai bên có thỏa thuận lãi bằng miệng nhưng không ghi số tiền lãi cụ thể, ngày 09/4/2025 bà T đã trả trước được 10.000.000 đồng bằng chuyển khoản nhưng hai bên chưa gặp nhau để tính toán về gốc và lãi, việc này được hai bên thống nhất lời khai. Bà H H cho rằng tính lãi suất 20%/năm nhưng bà T chỉ thừa nhận là có lãi nhưng không biết cụ thể là bao nhiêu nên bà H yêu cầu tính 20%/năm là không đúng. Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất 10%/năm phù hợp đồng thời tính lãi suất chậm trả. Tiền lãi của khoản nợ gốc tính từ ngày 21/3/2025 đến ngày 09/4/2025 là 20 ngày với số tiền lãi là 111.111 đồng, như vậy bà Thảo đã trả được nợ gốc là 9.888.889 đồng tiền gốc và đã trả lãi đến ngày 09/4/2025, chỉ còn nợ 10.111.111 đồng tiền gốc và lãi. Việc bà T còn nợ bà H số tiền 10.111.111 đồng là có thực tế. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu bà T trả nợ là hoàn toàn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Như T phải trả cho bà H H số tiền nợ gốc là 10.111.111 đồng và lãi suất bà tính 10%/năm là phù hợp với quy định nên đề nghị HĐXX chấp nhận, lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm là 1.103.795 đồng và lãi suất chậm trả là 551.897. Tổng cộng là 11.655.692 đồng. Đối với phần yêu cầu tính lãi 10%/năm của bà H H đề nghị HĐXX không chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị Như T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có

trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", giữa bà H H Niê với bà Nguyễn Thị Như T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà H H Niê có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Như T vắng mặt lần thứ hai, quyết định hoãn phiên tòa đã được tống đạt, tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt bà T là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 21/3/2025 dương lịch (nhằm ngày 22/02/2025 âm lịch) bà H H có cho bà Nguyễn Thị Như T vay 20.000.000 đồng, hai bên có làm giấy vay tiền và thỏa thuận miệng về lãi suất nhưng không ghi vào trong giấy vay tiền, thời hạn cho vay là 15 ngày. Ngày trả nợ là 04/4/2025 dương lịch (ngày 07/3/2025 âm lịch). Đến ngày 09/4/2025 bà Thảo đã chuyển khoản trả cho bà H số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng chẵn), trong đó trả cả gốc và lãi. Đã trả được tiền lãi là 222.223 đồng, tiền gốc là 9.777.777 đồng.

Bà H H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả số tiền nợ gốc là 10.222.223 đồng và lãi suất phát sinh 20%/năm, tính từ ngày 10/4/2025. Bà T thừa nhận có vay của bà H số tiền 20.000.000 đồng, trước đó đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của bà H số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 09/4/2025 để trả cả gốc và lãi, do hai bên chưa gặp nhau để tính toán cụ thể bao nhiêu lãi và bao nhiêu gốc. Số tiền bà T còn nợ của bà H còn hơn 10.000.000 đồng. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả số tiền còn nợ gốc là hơn 10.000.000 đồng.

Tuy nhiên, thời điểm vay các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng không ghi trong giấy nợ và bà T không biết là tính lãi cụ thể như thế nào, bà H cho rằng thỏa thuận 20%/năm, bà T vắng mặt tại phiên tòa không làm rõ khoản đã trả 10.000.000 vào ngày 09/4/2025 là bao nhiêu tiền gốc và bao nhiêu tiền lãi. HĐXX xét thấy các bên thỏa thuận lãi suất không rõ ràng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 468 BLDS để tính lãi suất 10%/năm. Vay ngày 21/3/2025, trả ngày 09/4/2025 là 20 ngày: 10%/năm x 20.000.000 đồng x 20 ngày = 111.111 đồng (10.000.000 đồng – 111.111 đồng = 9.888.889 đồng). Như vậy, bà T đã trả được tiền lãi từ ngày 21/3/2025 đến hết ngày 09/4/2025 và trả tiền gốc được 9.888.889 đồng. Bà T còn nợ bà H tiền gốc là

10.111.111 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện bà H H là có căn cứ nên cần được HĐXX chấp nhận một phần. Buộc bà Nguyễn Thị Như T phải có trách nhiệm trả cho bà H H số tiền nợ gốc là 10.111.111 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về lãi suất: HĐXX căn cứ Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận và buộc bà T phải trả cho bà H H tiền lãi suất tính từ ngày 10/4/205 đến hết ngày xét xử sơ thẩm (12/5/2026) là 13 tháng 03 ngày, tính 10%/năm với số tiền lãi là 1.103.795 đồng và tiền lãi chậm trả 551.897 đồng là phù hợp. Tổng cộng tiền lãi là 1.655.692 đồng.

Không chấp nhận phần yêu cầu tính lãi suất 10%/năm của nguyên đơn với số tiền lãi là 478.924 đồng, do không phù hợp với quy định của pháp luật

[3] Về án phí: Buộc bà T phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận là (11.766.803đ x 5%) 588.340 đồng. Bà H H phải chịu tiền án phí đối với số tiền lãi không được chấp nhận. Tuy nhiên, bà H H là người dân tộc thiểu số thường xuyên sinh sống tại khu vực có kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho H H là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; 147; 157; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; 241; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H H Niê, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Như T.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Như T phải có nghĩa vụ trả cho bà H H Niê tổng số tiền nợ gốc và lãi suất phát sinh tính đến hết ngày 12/5/2026 là 11.767.000 đồng *(Mười một triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)* (lấy tròn số). Trong đó nợ gốc: 10.111.111 đồng; lãi suất và lãi suất chậm trả là 1.655.692 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: *Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.*

3. Không chấp nhận phần yêu cầu tính lãi suất 10%/năm của nguyên đơn với số tiền lãi là 478.924 đồng do không phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Như T phải chịu 588.00 đồng *(Năm trăm tám mươi tám nghìn đồng)* (lấy tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Đắk Lắk.

Bà H H được miễn toàn bộ tiền án phí đối với số tiền không đươc HĐXX chấp nhận.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND KV 6 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Văn Hồi